

Số: **188/2019/QĐST-HNGĐ**

Sơn Trà, ngày 27 tháng 6 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ – TP. ĐÀ NẴNG

Căn cứ: Khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 160/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình:*

+ Ông **Trần Thanh H**, sinh năm: 1973. Địa chỉ: Số 311 đường Thế Lữ, phường B, quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng.

+ Bà **Trương Thị A**, sinh năm: 1979. Địa chỉ: Số 311 đường Thế Lữ, phường B, quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **Về thủ tục:** Đơn yêu cầu của ông Trần Thanh H và bà Trương Thị A nộp tại Tòa án là đúng thủ tục và thẩm quyền được quy định tại Khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Về nội dung:** Ông Trần Thanh H và bà Trương Thị A kết hôn vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, quận S, TP. Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 85, quyển số: 01 cấp ngày 18/6/2002. Hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tại phiên hòa giải ông Trần Thanh H và bà Trương Thị A xác định: Sau khi kết hôn vợ chồng ông, bà sống tại địa chỉ: Số 311 đường Thế Lữ, phường B, quận S, Tp Đà Nẵng. Vợ chồng ông, bà chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình quan điểm sống không hợp nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, to tiếng với nhau. Vợ chồng cũng đã nói chuyện nhiều lần để tìm cách giải quyết nhưng không có kết quả làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Nay ông H, bà A xác định không còn yêu thương nhau nữa. Vì vậy ông, bà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn cho ông, bà.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Thanh H và bà Trương Thị A thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng giữa ông H và bà A lại không làm được điều này. Tại phiên hòa giải thì ông H và bà A đều xác định không còn tình cảm với nhau. Xét thấy, hiện mâu thuẫn của ông H và bà A đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông H và bà A là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Tại phiên hòa giải, ông Trần Thanh H và bà Trương Thị A xác định có 02 con chung là: Trần Thanh H1, sinh ngày: 20/7/1997 và Trần Vũ Thanh K, sinh ngày: 07/01/2009. Đối với con Trần Thanh H1 đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con Trần Vũ Thanh K thì khi ly hôn, ông Trần Thanh H và bà Trương Thị A

thỏa thuận thống nhất giao con Trần Vũ Thanh K cho bà Trương Thị A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con Trần Vũ Thanh K đủ 18 tuổi. Ông Trần Thanh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 7/2019, vào ngày 15 hàng tháng. Xét yêu cầu về việc nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung của ông Trần Thanh H và bà Trương Thị A là thỏa thuận tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận yêu cầu của ông Trần Thanh H và bà Trương Thị A.

[5] Về tài sản chung: Tại phiên hòa giải, ông Trần Thanh H và bà Trương Thị A xác định vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Tại phiên hòa giải, ông Trần Thanh H và bà Trương Thị A xác định vợ chồng không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Về lệ phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng ông Trần Thanh H và bà Trương Thị A thỏa thuận mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số **0007913 ngày 19/6/2019** của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 19 tháng 6 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó theo quy định tại Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông **Trần Thanh H** và bà **Trương Thị A**. *(Do công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Trần Thanh H và bà Trương Thị A nên Giấy chứng nhận kết hôn số: 85, quyển số: 01 do Ủy ban nhân dân phường B, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 18/6/2002 không còn giá trị pháp lý).*

- Về quan hệ con chung: Ông Trần Thanh H và bà Trương Thị A xác định có 02 con chung là: Trần Thanh H1, sinh ngày: 20/7/1997 và Trần Vũ Thanh K, sinh ngày: 07/01/2009. Đối với con Trần Thanh H1 đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con Trần Vũ Thanh K thì khi ly hôn, ông Trần Thanh H và bà Trương Thị A thỏa thuận thống nhất giao con Trần Vũ Thanh K cho bà Trương Thị A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con Trần Vũ Thanh K đủ 18 tuổi. Ông Trần Thanh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 7/2019, vào ngày 15 hàng tháng;

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đều có quyền yêu cầu giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung;

Kể từ quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Ông Trần Thanh H và bà Trương Thị A xác định vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Trần Thanh H và bà Trương Thị A xác định vợ chồng không có.

2. Về lệ phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng ông Trần Thanh H và bà Trương Thị A thỏa thuận mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số **0007913 ngày 19/6/2019** của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Sơn Trà;
- UBND phường B;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

NGUYỄN THỊ TRÂM